TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21/3/2018
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Đồng Ngọc Huyền.**

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. **Bà Vũ Thị Thúy.**

2. **Bà Phạm Hồng Thiêm.**

** Thư ký phiên tòa:* **Bà Lê Nhật Khánh** - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy ghi biên bản phiên tòa:*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TL-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị L**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

(Chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: **Anh Mai Nhân T3**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

(Anh T3 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải; chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Mai Nhân T3, sinh năm 1976, có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 27/01/2004 được Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với gia đình anh T3 tại thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình chung sống hòa thuận được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nhất là sau khi sinh cháu thứ hai năm 2009, anh T3 thường hay uống rượu, chửi bới, đánh đập chị; tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, căng thẳng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay xác định tình cảm không còn,

không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Nhân T3.

Về con chung, chị và anh Mai Nhân T3 có 02 con chung là Mai Nhân G, sinh ngày 13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009, hiện tại cả hai con đang ở cùng vợ chồng tôi. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Mai Nhân T3 phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Các con Mai Nhân G, Mai Thị M.A có đơn đề nghị xin được ở với mẹ.

Về tài sản chung, chị xác định anh chị có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngày 31/01/2018, Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Mai Nhân T3 không đến Tòa án. Anh Mai Nhân T4 là anh trai anh T3 đến Tòa án và có đơn đề nghị về việc anh T3 không đến được vì lý do sức khỏe. Theo anh, vợ chồng anh T3, chị L kết hôn từ năm 2004, quá trình mâu thuẫn anh không nắm rõ, chỉ biết là có mâu thuẫn, hiện nay chị L làm đơn ly hôn anh T3 thì anh và gia đình xác định nếu mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng thì tùy vợ chồng anh T3, chị L giải quyết việc ly hôn để giải phóng cho nhau. Về con chung: Anh T3 và chị L có hai con chung là Mai Nhân G, sinh ngày 13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009, hiện tại cả hai con đang ở cùng mẹ các cháu, bố các cháu ốm đau không có điều kiện chăm sóc con, các cháu có nguyện vọng ở với ai thì tùy các cháu. Về tài sản: Anh T3 và chị L có tài sản, khi giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/01/2018 tại gia đình anh Mai Nhân T3, thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình, anh T3 trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình. Về quan hệ hôn nhân, anh và chị Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 ngày 20/01/2004, chị Trần Thị L có đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý. Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là Mai Nhân G, sinh ngày 13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009, hiện tại cả hai con đang ở cùng chị L tại gia đình bố mẹ đẻ chị L, hai con chung muốn ở với ai thì anh tôn trọng ý kiến của các con. Về tài sản chung: Anh không có ý kiến gì. Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ anh T3 trình bày: Gia đình muốn vợ chồng anh T3, chị L đoàn tụ nhưng gia đình tôn trọng ý kiến của anh T, chị L. Nếu anh chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Ông trưởng thôn A và cán bộ tư pháp xã T1, huyện T2 cũng có quan điểm về việc thôn, xã đã tổ chức hòa giải nhưng không thành, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Mai Nhân T. Về con chung, giao hai con chung Mai Nhân G, sinh ngày

13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 09 tháng 02 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST- HNGĐ, phiên tòa xét xử được tổ chức vào 09 giờ 30 phút ngày 06/3/2018, tuy nhiên đến thời điểm Tòa án mở phiên tòa, anh Mai Nhân T3 vắng mặt, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ, phiên tòa được mở lại vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 21/3/2018. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Ngày 06/3/2018, chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt (sau khi nhận quyết định hoãn phiên tòa), anh Mai Nhân T3 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị L và anh Mai Nhân T3.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Mai Nhân T3 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập qua xác minh tại gia đình anh chị và tại chính quyền địa phương xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình nên xác định: Thời gian đầu chung sống chị L và anh T3 chung sống vui vẻ, hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nhất là sau khi sinh cháu thứ hai năm 2009, anh T3 thường hay uống rượu, chửi bới, đánh đập chị; tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, căng thẳng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh T3 không đồng ý ly hôn, song anh không đưa được ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm gia đình, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Tòa án đã ra thông báo thụ lý, anh không có quan điểm; anh T3 cũng không đến tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Do vậy có thể thấy tình cảm vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Mai Nhân T3.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Mai Nhân T3 có 02 con chung là Mai Nhân G, sinh ngày 13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt chị L đều có ý kiến đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T3 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; tại biên bản lấy lời khai ngày 31/01/2018 tại gia đình anh Mai Nhân T3, thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình, anh T3 trình bày: Anh và chị L có hai con chung là Mai Nhân G, sinh ngày 13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009, hiện tại cả hai con đang ở cùng chị L tại gia đình bố mẹ đẻ chị L, hai con chung muốn ở với ai thì anh tôn trọng ý

kiến của các con; ngày 31/01/2018, anh Mai Nhân T4 là anh trai anh T3 đến Tòa án và có đơn đề nghị về việc anh T3 không đến được vì lý do sức khỏe. Theo anh, anh T3 và chị L có hai con chung là Mai Nhân G, sinh ngày 13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009, hiện tại cả hai con đang ở cùng mẹ các cháu, bố các cháu ốm đau không có điều kiện chăm sóc con, các cháu có nguyện vọng ở với ai thì tùy các cháu. Nguyện vọng của các con Mai Nhân G và Mai Thị M.A là được ở với mẹ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lý. Giao hai con chung là 02 con chung là Mai Nhân G, sinh ngày 13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên, chị L không yêu cầu anh T3 phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh T3 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vấn đề thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Mai Nhân T3.

2. Về con chung:

Giao hai con chung Mai Nhân G, sinh ngày 13/12/2004 và Mai Thị M.A, sinh ngày 06/02/2009 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận việc chị Trần Thị L không yêu cầu anh Mai Nhân T3 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T3 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vấn đề thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung:

Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai số 0001310 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh Thái Bình. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị Trần Thị L; bị đơn là anh Mai Nhân T3 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền